TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M'ĐRẮK** TỈNH ĐẮKLẮK	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HSST
Ngày: 16 tháng 10 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Võ Đức Hợi.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang; Ông Nguyễn Võ.

- **Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà**: Ông Phạm Xuân Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk tham gia phiên toà**: Bà Bùi Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 23/2018/HSST ngày 02 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-HS ngày 05/10/2018 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Văn L (tên gọi khác: T), sinh năm 1987, tại thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Trú tại: Tổ dân phố P, phường N, Thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Trình độ học vấn: 5/12. Nghề nghiệp: Làm nông; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn T, sinh năm 1950. Mẹ: bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952. Cùng trú tại: Tổ dân phố P, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Nguyễn Văn L bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 20/04/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện M'Đrắk – Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Ngô Văn T sinh năm 1970, tại Thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Trú tại: Tổ dân phố P, phường N, Thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Trình độ học vấn: Không. Nghề nghiệp: Buôn bán; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Ngô C (đã chết). Mẹ: bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1948; Vợ: Trần Thị C, sinh năm 1969. Cùng trú tại: Tổ dân phố P, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Ngô Văn T bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 20/04/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện M'Đrắk – Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác

- *Người bị hại*:

+ Anh Y H Byă, sinh năm 1993. Trú tại: Buôn M, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

+ Anh Trần Đắc L, sinh năm 1988. Trú tại: Tổ dân phố N, Thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Ông Trương Hùng T, sinh năm 1970. Trú tại: thôn T, xã N, Thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

+ Ông Y B Byă, sinh năm 1968. Trú tại: Buôn M, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

+ Anh Y D Ksơr, sinh năm 1994. Trú tại: Buôn M, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

+ Bà Ngô Thị T, sinh năm 1977. Trú tại: Tổ dân phố B, Thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

+ Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1983. Trú tại: Tổ dân phố P, phường N, Thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo bị VKSND huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 20/4/2018, Nguyễn Văn L rủ Ngô Văn T đi lấy trộm xe mô tô tại địa bàn huyện M để bán lấy tiền tiêu xài thì T đồng ý. Lúc này L điều khiển xe mô tô gắn Biển kiểm soát(BKS) 79H1- 466.67 chở T đi theo tuyến Quốc lộ 26 từ thị xã N, tỉnh Khánh Hòa đi lên huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Khi đến địa phận buôn M, xã E thì L và T thấy chiếc xe mô tô BKS 47G1-048.81, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS của anh Y H Byă, đang để ở ven đường, không có ai trông coi, L xuống xe và đi đến dùng "vam phá khoá" mở khoá điện rồi điều khiển đi về hướng thị xã N. Khi đến địa phận xã N, thị xã N thì xe mô tô vừa trộm cắp được hết xăng, T điều khiển xe đi phía sau đẩy. Khi đi đến trước Ủy ban nhân dân xã N thì T đi mua xăng, còn L đứng chờ. Khi này Công an xã N và người dân phát hiện có dấu hiệu nghi vấn nên đã đưa L cùng xe mô tô BKS 47G1-048.81 vào trụ sở Ủy ban nhân dân xã làm việc. Sau đó, T biết L đã bị phát hiện nên cũng đến Công an xã N trình diện.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐG ngày 23/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M'Đrắk kết luận: Chiếc xe mô tô BKS 47G1-048.81 có giá trị tại thời điểm bị xâm hại là 10.534.000 đồng.

Quá trình điều tra mở rộng vụ án Nguyễn Văn L và Ngô Văn T còn khai nhận trước đó đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 08/9/2017, Nguyễn Văn L đi xe khách lên huyện M. Khi đi L có cầm theo 01 chiếc "vam phá khóa" nhằm mục đích nếu thấy xe mô tô của ai để sơ hở thì sẽ trộm cắp. Lúc xe đi ngang qua khu vực Km 36+40 Quốc lộ 26 thuộc địa phận buôn T, xã E, L thấy chiếc xe mô tô BKS 47F1-277.00, nhãn hiệu YAMAHA của anh Trần Đắc L đang dựng ở ven đường nên để ý. Sáng ngày 09/9/2017, L đi xe khách từ huyện M về lại thị xã N, khi xe đi ngang qua địa điểm nói trên thì L vẫn thấy chiếc xe mô tô hôm trước. L xuống xe khách và đi bộ đến nơi để xe, L dùng đá và "vam" để phá khóa, nhưng xe vẫn không khởi động được, nên L dắt bộ đi về hướng thị xã N và đưa vào 01 tiệm sửa xe ven đường nhờ chủ tiệm đấu dây điện. Sau đó L nổ máy và điều khiển xe đi về nhà cất giấu. Sau khi trộm cắp được xe mô tô

BKS 47F1-277.00 thì L tháo biển số mang đi vứt bỏ, rồi L chà số khung, số máy và lắp biển số 79H1-466.67 vào rồi dùng xe này làm phương tiện đi lại. Đến ngày 20/4/2018, L dùng xe này đi trộm cắp cùng Ngô Văn T thì bị phát hiện bắt giữ như đã nêu ở trên.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐG ngày 23/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M'Đrắk thì: Chiếc xe mô tô BKS 47F1-277.00 có giá trị tại thời điểm xâm hại là 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng).

Vụ thứ hai: Ngày 25/01/2018, Nguyễn Văn L đi xe khách tuyến từ Tp. N, tỉnh Khánh Hoà đi Tp. B, tỉnh Đắk Lắk với mục đích thấy xe mô tô nào trên đường không ai trông coi sẽ xuống xe và trộm cắp. Khi xe khách đi đến khu vực Km 30+300 Quốc lộ 26 thuộc địa phận thôn S, xã N, thị xã N, L thấy chiếc xe mô tô BKS 79H1- 466.67, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, của anh Trương Hùng T đang để ở ven đường, không có ai trông coi, nên L xuống xe khách rồi đi bộ đến nơi để xe. L dùng "vam phá khoá" mở khoá điện rồi nổ máy và điều khiển xe đi về nhà cất giấu. Ngày hôm sau, L nhờ Phạm Thế A (sinh năm 1982, Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố P, phường N, Tx. N) giới thiệu cho một người (Chưa xác định được nhân thân lai lịch) mua xe này với giá 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Số tiền bán được xe L tiêu xài hết.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 63/KL-HĐ ĐG ngày 02/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã N, tỉnh Khánh Hòa thì chiếc xe mô tô BKS 79H1-466.67 có giá trị tại thời điểm xâm hại là 19.550.000 đồng.

Vụ thứ ba: Ngày 17/4/2018, Nguyễn Văn L điều khiển xe mô tô gắn BKS 79H1-466.67 chở Ngô Văn T đi tìm xe để trộm cắp tại địa bàn huyện M. Khi đi đến Km 50+215 Quốc lộ 26 thuộc địa phận buôn M, xã E thấy chiếc xe BKS 47G1-084.74, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, của ông Y B Byă dừng ở bên lề đường không có ai trông coi, nên L xuống xe dùng "Vam phá khóa" mở khoá điện của xe rồi nổ máy, điều khiển xe trộm cắp được đi về hướng thị xã N. Khi về đến nhà L tháo biển số rồi chụp ảnh xe này và đăng lên Facebook cá nhân rao bán. Đến ngày 18/4/2018, có một nam thanh niên (Chưa xác định được nhân thân lai lịch) liên lạc với L và thoả thuận giá bán xe là 3.000.000 đồng. Sau khi bán xe, L chia cho T 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng), số tiền này L và T đều tiêu xài cá nhân hết.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐG ngày 11/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M'Đrắk thì: Chiếc xe mô tô BKS 47G1-084.74 có giá trị tại thời điểm xâm hại là 11.890.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị trộm cắp có giá trị 80.974.000 đồng(tám mươi triệu chín trăm bảy mươi bốn ngàn đồng).

Vật chứng tạm giữ:

- Xe mô tô BKS 47G1- 048.81 nhãn hiệu YAMHA loại xe SIRIUS, màu đen trắng, số máy 5C64 - 938433, số khung C640CY938422.

- 01 thanh kim loại dài 4cm, một đầu lục giác rộng 0,7cm, một đầu được mài nhọn.

- Xe mô tô có số máy G3D4E-081289, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe EXCITER, màu xanh – trắng.

- Biển số 79H1- 466.67.

Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47G1-048.81 là của anh Y H Byă, xe mô tô có số máy G3D4E-081289 là của anh Trần Đắc L nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả cho chủ sở hữu hợp pháp.

Tại bản cáo trạng số: 25/CT-VKS ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS). Bị cáo Ngô Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên toà bị cáo L và T khai nhận: Bị cáo L là người rủ rê T đi trộm cắp xe máy. Bị cáo L thực hiện bốn vụ, trong đó T tham gia cùng với L hai vụ. Sau khi trộm cắp được, bị cáo L là người đưa đi tiêu thụ và chia cho bị cáo T 1.500.000đồng(một triệu năm trăm ngàn đồng).

Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 02 năm 03 tháng, đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt khẩn cấp.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, r, h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt bị cáo Ngô Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt khẩn cấp.

Biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an huyện M'Đrắk đã trả tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp.

- Tịch thu tiêu hủy 01 thanh kim loại, 01 biển số xe là vật chứng vụ án.

Các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Công an huyện M'Đrắk, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định

của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh*: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai người bị hại, những người liên quan và các chứng cứ, tài liệu do cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, nên HĐXX có đủ cơ sở để kết luận: Lợi dụng sơ hở của các chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, từ tháng 9 năm 2017 đến 20/4/2018 các bị cáo L và T đã nhiều lần chiếm đoạt tài sản của người khác trên địa bàn thị xã N, tỉnh Khánh Hòa và địa bàn huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Trong đó L thực hiện bốn vụ, T tham với L thực hiện hai vụ.

Tổng tài sản bị cáo L chiếm đoạt có giá trị 80.974.000 đồng, bị cáo T tham gia hai vụ có giá trị 22.424.000đồng. Thiệt hại mà các bị cáo gây ra đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt đối với bị cáo L được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS. Tội phạm và hình phạt đối với bị cáo T được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Nên quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk là có căn cứ.

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 173 BLHS quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

……

c) Chiếm đoạt tài sản từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng"

[3] *Về hình phạt*: Xét tính chất, mức độ cũng như hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng với ý thức coi thường pháp luật, vì mục đích tư lợi cá nhân, coi thường quyền sở hữu về tài sản của người khác đã dẫn các bị cáo đến con đường phạm tội. Hành vi của các bị cáo không chỉ gây ảnh hưởng đến trật tự trị an, mà còn trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo xâm phạm tài sản nhiều lần, của nhiều người. Vì vậy, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian mới có thể cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Trong vụ án có hai bị cáo tham gia, để cá thể hóa hình phạt HĐXX cần phân tích, đánh giá tính chất, mức độ về hành vi phạm tội cũng như vai trò, nhân thân và

các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của mỗi bị cáo để lượng hình cho tương xứng.

Trong một thời gian ngắn, các bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, giá trị tài sản của mỗi lần thực hiện đều đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Vì vậy cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"Phạm tội nhiều lần"* được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo L thực hiện chiếm đoạt nhiều hơn bị cáo T, là người chủ mưu, người thực hiện và chủ động, tích cực trong các lần phạm tội. Bị cáo T tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn, là vai trò thứ yếu trong mỗi lần phạm tội, do bị cáo L rủ rê, nên mức hình phạt dành cho bị cáo L là cao và nghiêm khắc hơn bị cáo T.

Tuy nhiên, HĐXX xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo đã tác động gia đình để bồi thường toàn bộ tài sản đã chiếm đoạt của những người bị hại. Trong quá điều tra, các bị cáo đã tự thú về hành vi phạm tội trước đó nhưng chưa bị phát hiện. Những người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Do đó, HĐXX cần áp dụng điểm b, r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS, xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Riêng bị cáo T phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS, để thể hiện tính nhân đạo và khoan hồng của pháp luật.

[4] Đối với Phạm Thế A là người giới thiệu cho người khác mua xe BKS 79-H1- 466.67 mà L trộm cắp được. Nhưng qua xác minh, hiện nay A không có mặt tại địa phương, chưa xác định được nơi cư trú và làm việc. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện M tách hồ sơ để điều tra và xử lý sau là phù hợp.

[5] *Các biện pháp tư pháp:*

[5.1] *Về trách nhiệm dân sự*: Người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường, nên HĐXX không xem xét.

[5.2] *Về vật chứng*: Cơ quan điều tra Công an huyện M'Đrắk đã trả: Xe mô tô 47G1- 048.81 cho anh Y H Byă. Xe mô tô có số máy G3D4E-081289 cho anh Trần Đắc L. Việc trao trả tài sản cho chủ sở hữu là hợp pháp, nên HĐXX cần chấp nhận.

Đối với 01 thanh kim loại bị cáo sử dụng để mở khóa xe không có giá trị sử dụng. Biển kiểm soát 79H1- 466.67 bị cáo lấy từ xe của anh T, nhưng hiện nay xe chưa được thu hồi, do bị cáo đã bán. Anh T cũng đã được bồi thường giá trị xe bị mất, nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự, nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật (200.000đồng).

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn L, Ngô Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn L 02(hai) năm 06(sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 20/4/2018.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, r, h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Ngô Văn T 09(chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 20/4/2018.

2. Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an huyện M'Đrắk đã trả: Xe mô tô 47G1- 048.81 cho anh Y H Byă và xe mô tô có số máy G3D4E-081289 cho anh Trần Đắc L.

- Tịch thu tiêu hủy Biển kiểm soát số 79H1- 466.67 và 01 thanh kim loại dài 4cm, một đầu lục giác rộng 0,7cm, một đầu được mài nhọn (đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan điều tra Công an huyện M'Đrắk và Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrắk).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Nguyễn Văn L và Ngô Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án Hình sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án HSST trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Vụ giám đốc kiểm tra 1-TAND tối cao;
- TAND tỉnh ĐắkLắk;

- Phòng quản lý lý lịch - Sở Tư pháp ĐắkLắk;
- VKSND huyện M’Đrắk;
- Công an huyện M’Đrắk
- Chi cục THADS huyện M’Đrắk;
- Bị cáo, người bị hại, người liên quan;
- Lưu HS, VP.

Võ Đức Hợi